



**BỘ TƯ PHÁP**  
**HỌC VIỆN TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

**DANH SÁCH NHẬP HỌC LỚP ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG CHỨNG KHÓA 21 TẠI THÁI NGUYÊN  
(LỚP HỌC NGÀY THỨ BẢY VÀ CHỦ NHẬT)**

*(Kèm theo Thông báo nhập học số 61 /TB-HVTP ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Học viện Tư pháp)*

**DANH SÁCH HỒ SƠ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP HỌC**

| STT | Họ và tên              | Sinh ngày  | Giới tính | Nơi sinh    | Mã HS | Trình độ | Hình thức đào tạo | Lớp học                  | Ghi chú                             |
|-----|------------------------|------------|-----------|-------------|-------|----------|-------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| 1.  | Hoàng Anh              | 10/4/1986  | Nữ        | Thái Nguyên | CC01  | CNL      | CQ                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 2.  | Nguyễn Ngọc Thắng      | 18/01/1966 | Nam       | Thái Nguyên | CC02  | CNL      | TC                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 3.  | Trương Thị Thu Huyền   | 4/7/1994   | Nữ        | Thái Nguyên | CC03  | CNL      | CQ                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 4.  | Nguyễn Thị Hường       | 29/05/1993 | Nữ        | Bắc Giang   | CC04  | CNL      | CQ                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 SYLL, 01 phiếu xét tuyển |
| 5.  | Diệp Thị Quỳnh Hoa     | 27/12/1992 | Nữ        | Thái Nguyên | CC05  | CNL      | CQ                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 6.  | Nguyễn Khương Duy      | 17/03/1991 | Nam       | Thái Nguyên | CC06  | CNL      | VLVH              | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 SYLL, 01 phiếu xét tuyển |
| 7.  | Nguyễn Văn Trọng       | 10/01/1971 | Nam       | Thái Nguyên | CC07  | CNL      | VLVH              | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 Phiếu xét tuyển          |
| 8.  | Nguyễn Thị Phương Thảo | 16/02/1977 | Nữ        | Thái Nguyên | CC08  | CNL      | TC                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 9.  | Nguyễn Thị Huyền       | 10/07/1983 | Nữ        | Hung Yên    | CC09  | CNL      | TX                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 10. | Hoàng Thị Hạnh         | 21/3/1993  | Nữ        | Thái Nguyên | CC10  | CNL      | CQ                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 11. | Vy Thị Huyền Trang     | 03/10/1993 | Nữ        | Lạng Sơn    | CC11  | CNL      | CQ                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 12. | Nguyễn Thanh Hiếu      | 30/9/1995  | Nam       | Lạng Sơn    | CC12  | CNL      | CQ                | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |

|     |                      |            |     |             |      |     |      |                          |                                     |
|-----|----------------------|------------|-----|-------------|------|-----|------|--------------------------|-------------------------------------|
| 13. | Nguyễn Thị Thu Huyền | 17/05/1991 | Nữ  | Bắc Giang   | CC13 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 14. | Lô Thị Phương Châm   | 23/07/1980 | Nữ  | Thái Nguyên | CC14 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 15. | Phạm Thị Thu Hiền    | 29/10/1972 | Nữ  | Thái Nguyên | CC15 | CNL | TC   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 phiếu xét tuyển          |
| 16. | Nguyễn Văn Vang      | 24/9/1976  | Nam | Thái Nguyên | CC16 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 17. | Nghiêm Thị Kim Liên  | 22/8/1984  | Nữ  | Hà Nam      | CC17 | CNL | TX   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung ảnh 4 X 6                   |
| 18. | Dương Thị Thùy       | 21/04/1995 | Nữ  | Thái Nguyên | CC18 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 19. | Thân Ngọc Anh        | 27/07/1971 | Nam | Bắc Giang   | CC19 | CNL | TX   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 20. | Dương Đức Chung      | 02/01/1984 | Nam | Thái Nguyên | CC20 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 SYLL, 01 phiếu xét tuyển |
| 21. | Nguyễn Văn Hưng      | 20/04/1992 | Nam | Bắc Giang   | CC21 | CNL | TX   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 SYLL, 01 phiếu xét tuyển |
| 22. | Dương Thị Châm       | 15/07/1969 | Nữ  | Thái Nguyên | CC22 | CNL | TC   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 SYLL, 01 phiếu xét tuyển |
| 23. | Bùi Tiến Dũng        | 14/06/1977 | Nam | Hải Dương   | CC23 | CNL | TC   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 SYLL, 01 phiếu xét tuyển |
| 24. | Vũ Quốc Khánh        | 02/09/1990 | Nam | Lạng Sơn    | CC24 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 25. | Trương Mỹ Duyên      | 21/07/1996 | Nữ  | Thái Nguyên | CC25 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 26. | Nguyễn Thị Thu Huyền | 18/09/1980 | Nữ  | Thái Nguyên | CC26 | CNL | CT   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 27. | Nguyễn Hữu Tùng      | 31/07/1977 | Nam | Thái Nguyên | CC27 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 28. | Nguyễn Thị Linh      | 04/08/1982 | Nữ  | Hà Nam      | CC28 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 29. | Hoàng Thị Lan Anh    | 05/02/1976 | Nữ  | Thái Nguyên | CC29 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 30. | La Thị Lan Phương    | 17/10/1967 | Nữ  | Bắc Kạn     | CC30 | CNL | TC   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 SYLL, 01 phiếu xét tuyển |
| 31. | Hoàng Ngọc Ba        | 19/4/1974  | Nam | Bắc Kạn     | CC31 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |
| 32. | Nguyễn Văn Hiền      | 25/07/1971 | Nam | Bắc Giang   | CC32 | CNL | TC   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                     |

|     |                       |            |     |             |      |     |      |                          |                                                              |
|-----|-----------------------|------------|-----|-------------|------|-----|------|--------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 33. | Trần Thị Xuân         | 09/02/1983 | Nữ  | Thái Nguyên | CC33 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 bộ hồ sơ xét tuyển                                |
| 34. | Cao Thị Kim Cúc       | 14/04/1979 | Nữ  | Hà Tây      | CC34 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 35. | Nguyễn Thị Phương Lan | 30/05/1995 | Nữ  | Thái Nguyên | CC35 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 36. | Nguyễn Hoàng Long     | 05/11/1976 | Nam | Thái Nguyên | CC36 | CNL | TC   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 bản sao Bằng CNL                                  |
| 37. | Trần Mạnh Phong       | 07/09/1981 | Nam | Thái Nguyên | CC37 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 38. | Thiều Thị Nga         | 13/02/1989 | Nữ  | Thái Nguyên | CC38 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 39. | Đào Văn Chí           | 11/07/1968 | Nam | Thái Nguyên | CC39 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | 01 SYLL, 01 phiếu đăng ký xét tuyển phổ thông, thiếu ảnh 4x6 |
| 40. | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | 02/08/1996 | Nữ  | Bắc Giang   | CC40 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 41. | Đặng Khắc Lạng        | 06/05/1977 | Nam | Bắc Giang   | CC41 | CNL | TX   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Thiếu 01 bản sao bằng CNL                                    |
| 42. | Bùi Thị Lập           | 10/9/1979  | Nữ  | Hải Dương   | CC42 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 43. | Nguyễn Thị Thùy Trang | 01/10/1988 | Nữ  | Thái Nguyên | CC43 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung 01 SYLL, 01 phiếu xét tuyển, ảnh 4x6                 |
| 44. | Bùi Thị Mơ            | 07/10/1982 | Nữ  | Thái Bình   | CC44 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật | Bổ sung ảnh 4x6                                              |
| 45. | Hoàng Thị Minh Ngọc   | 15/11/1990 | Nữ  | Thái Nguyên | CC45 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 46. | Nguyễn Mạnh Tiến      | 12/02/1984 | Nam | Bắc Ninh    | CC46 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 47. | La Thị Chín           | 03/9/1973  | Nữ  | Bắc Kạn     | CC47 | CNL | VLVH | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |
| 48. | Phan Thị Minh Yên     | 02/10/1993 | Nữ  | Thái Nguyên | CC48 | CNL | CQ   | Ngày Thứ Bảy và Chủ nhật |                                                              |